CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Tập đoàn ECI

Ngày 31/03/2024	24,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	0%	0.0%

DT thuần
Q1/24
1.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.29| -63.4%
YoY: ▼3.07| -61.8%

LN thuần
Q1/24
-1.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.03| -2.2%
YoY: ▼1.05| -176%

LN sau thuế
Q1/24
-1.67
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.10| 5.8%
YoY: ▼1.04| -165%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
-84.1%
YoY: +/-▼ 51.4%

ROE (TTM)
Q1/24
-18.9%
YoY: +/-▼ 3.3%

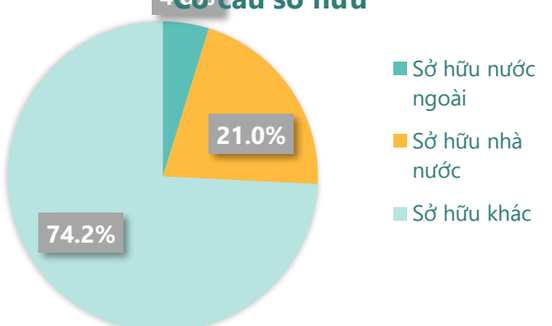
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	24,500 - 27,135
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	43
Số lượng CPLH (CP)	1,760,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	(0.00)
EPS	-3,960
P/E	-6.2

DT thuần
2023
18.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼35.9| -66.2%

LN thuần
2023
-5.52
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.02| -258%

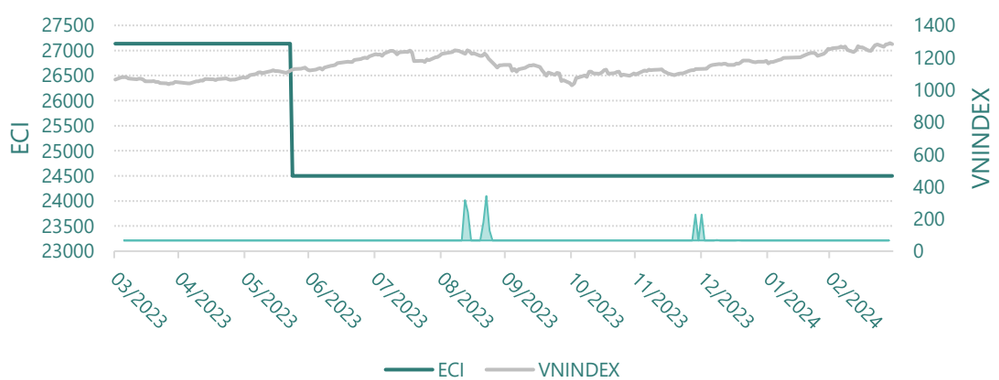
LN sau thuế
2023
-5.78
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.49| -313%

Cơ cấu sở hữu

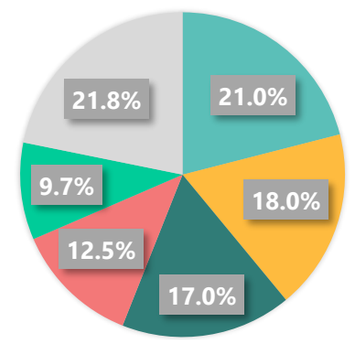


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

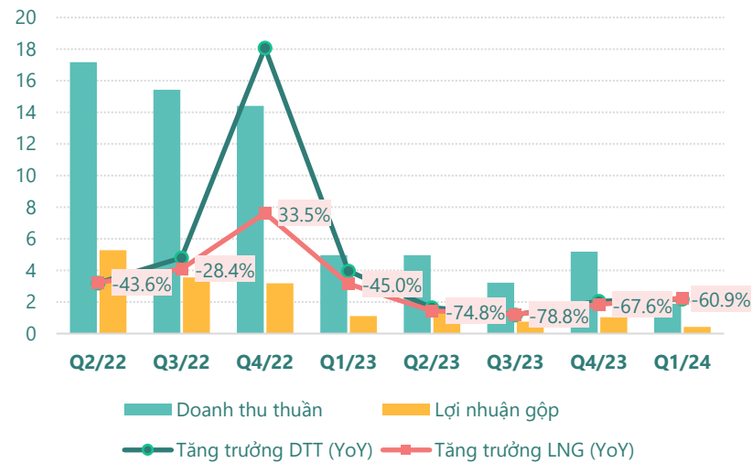


- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
- Đinh Thị Khánh Ly
- CTCP Tập đoàn Đầu tư tài chính MYA Capital
- Phạm Ngọc Huyền (Đại diện công bố thông tin)
- Sử Duy Bin
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

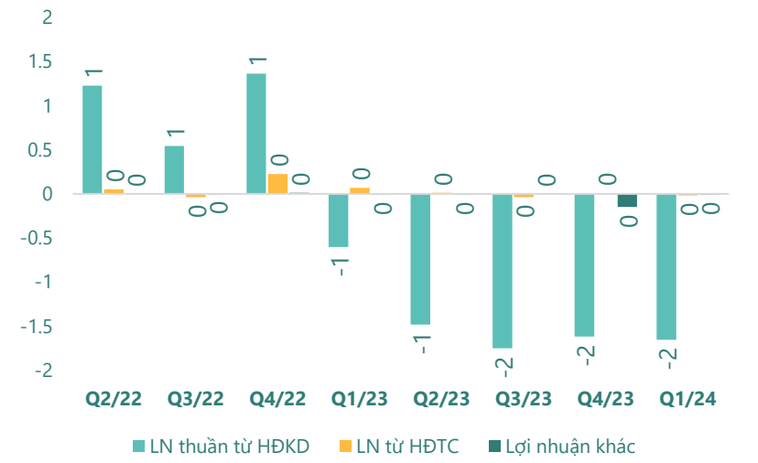
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



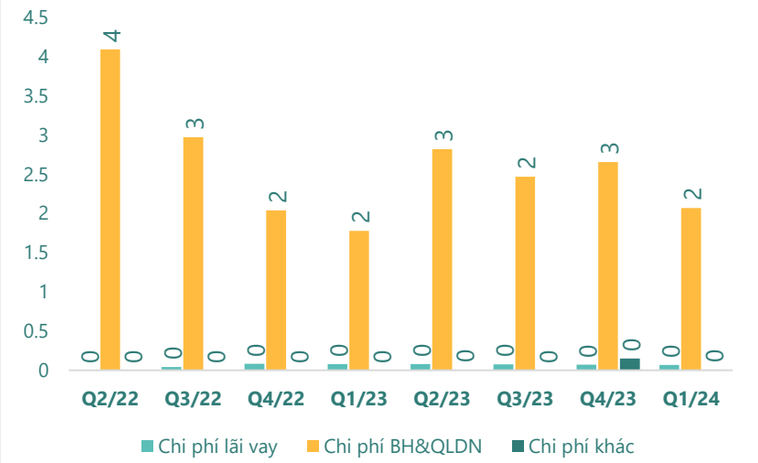
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



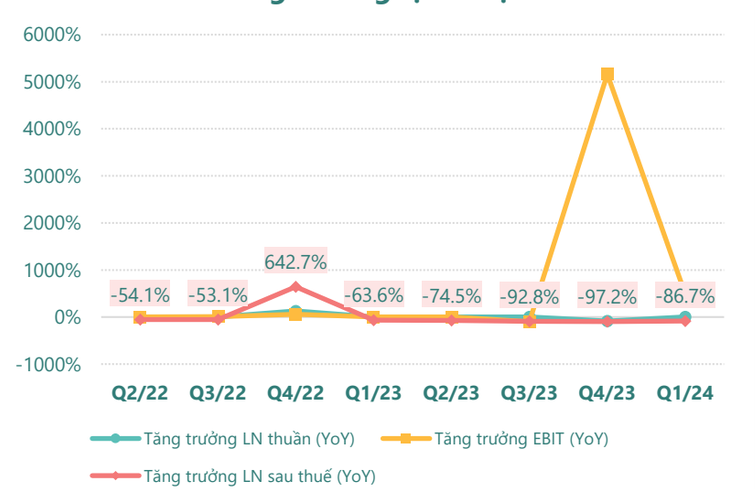
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



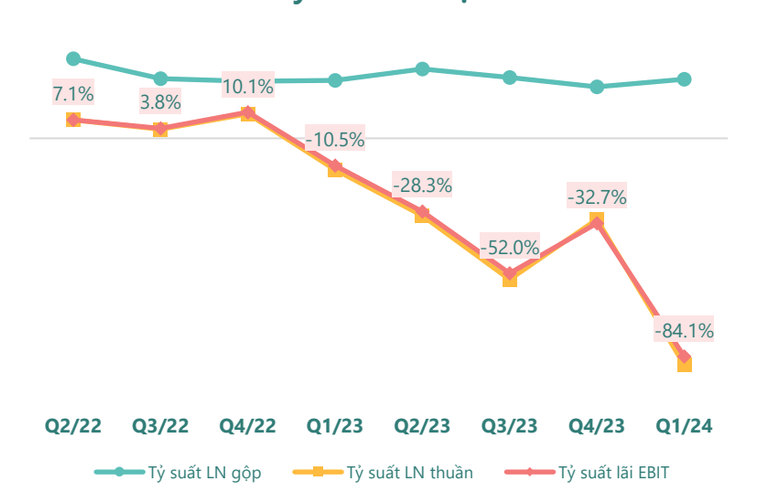
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



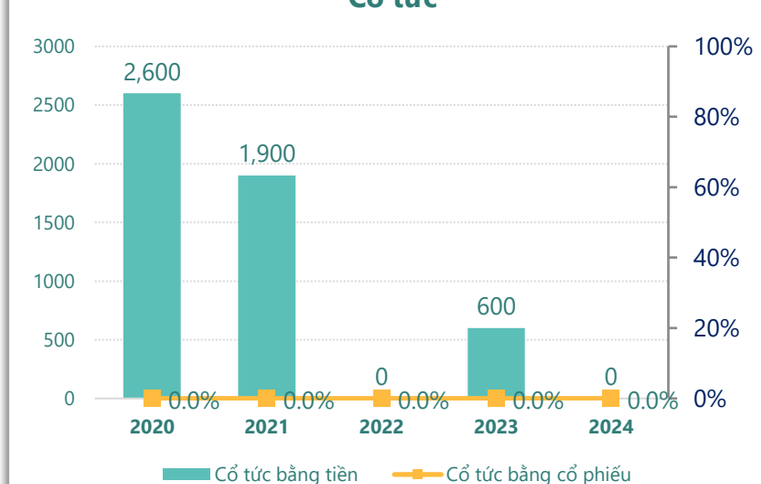
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

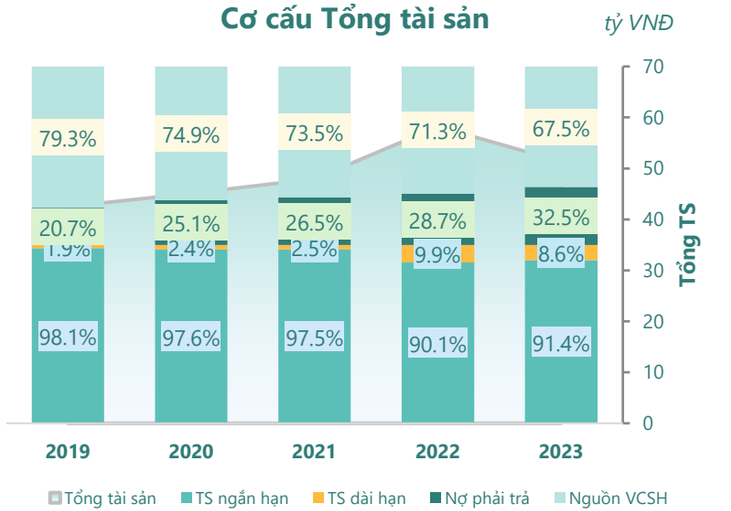
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

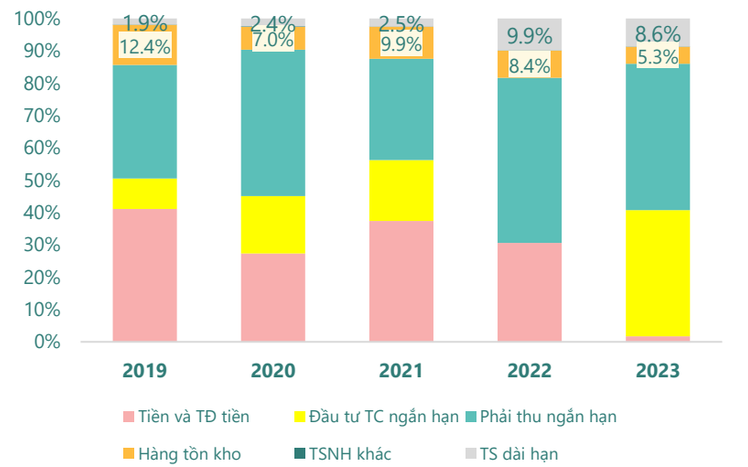
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



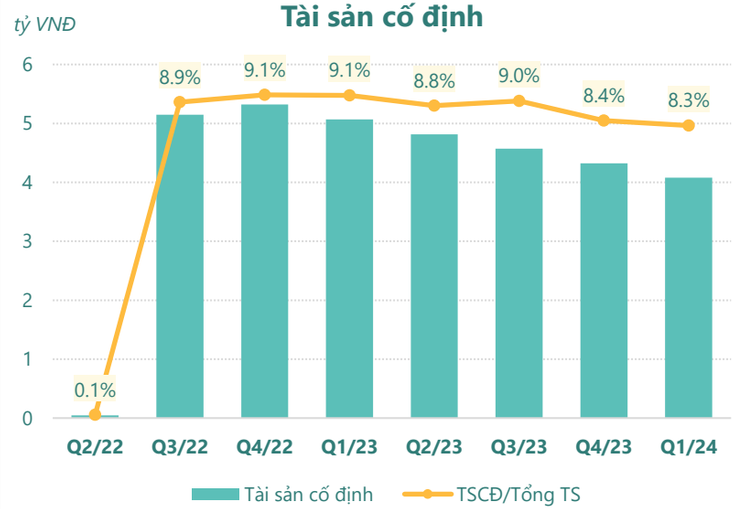
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



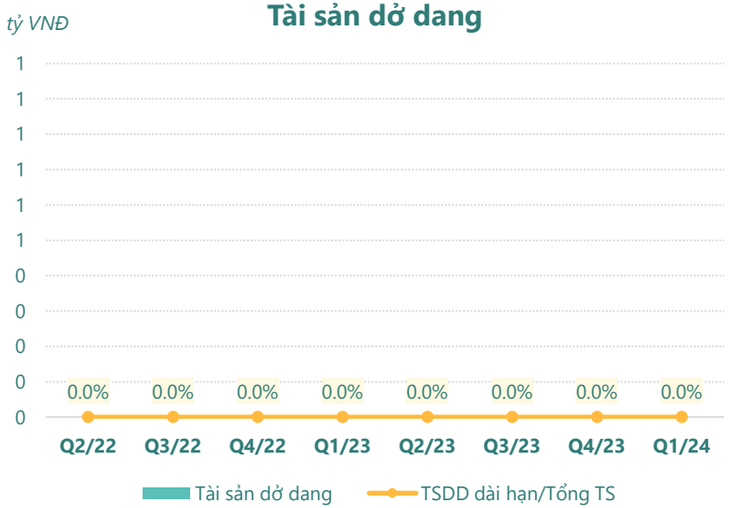
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



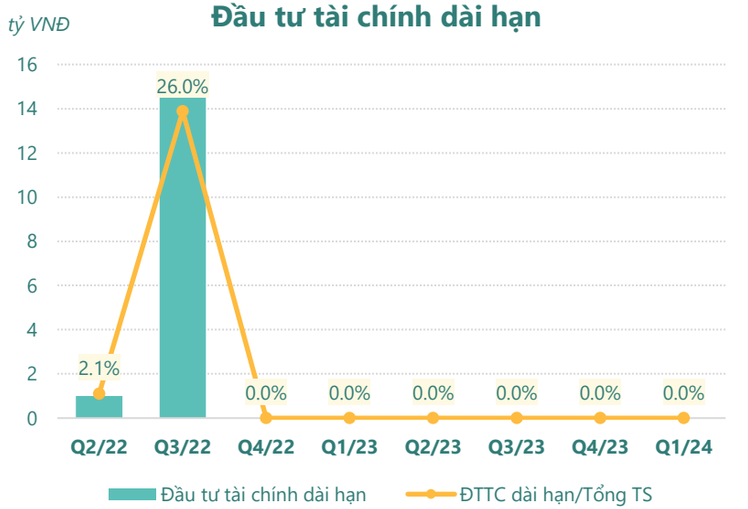
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



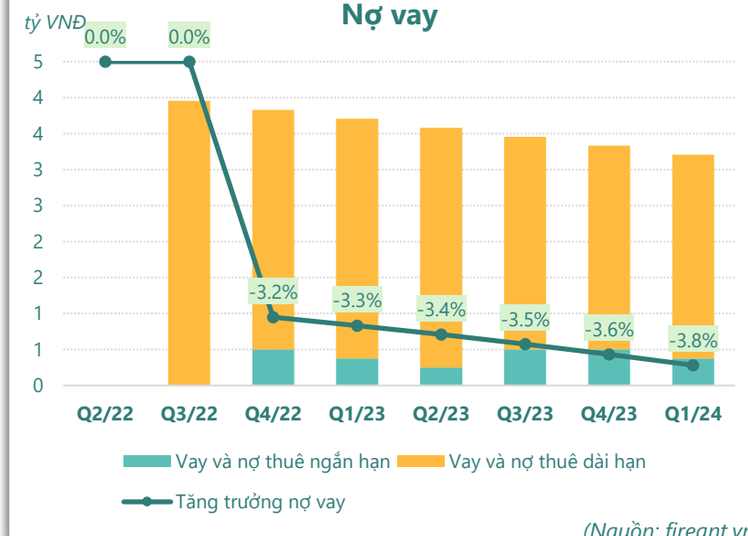
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

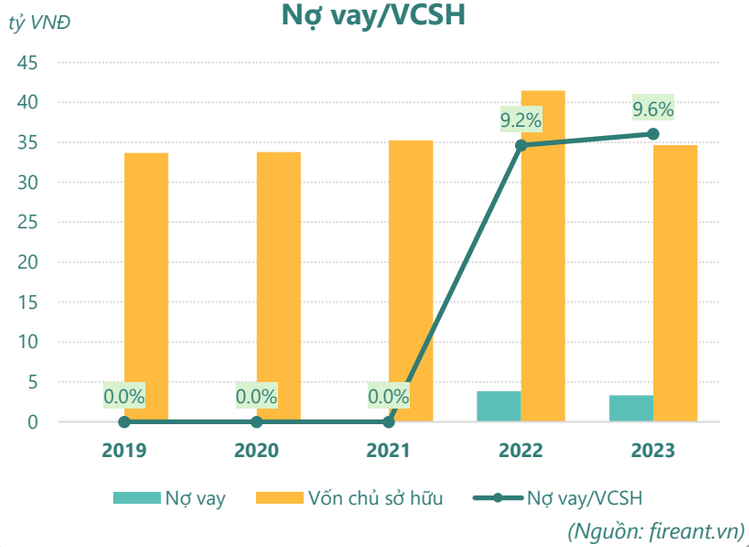
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

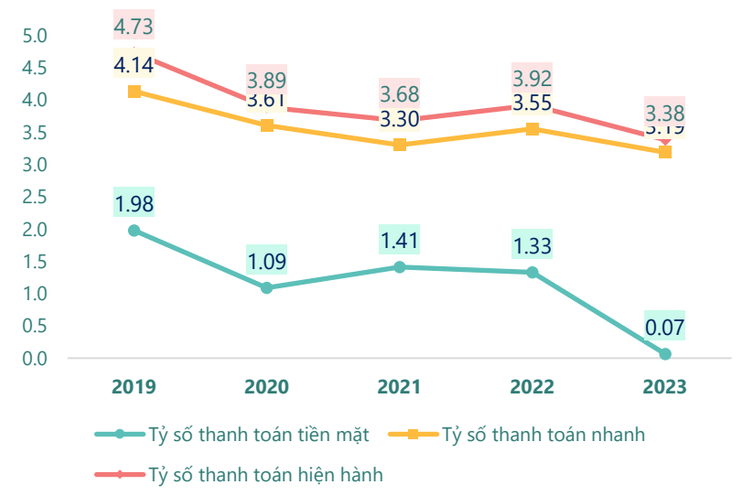
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



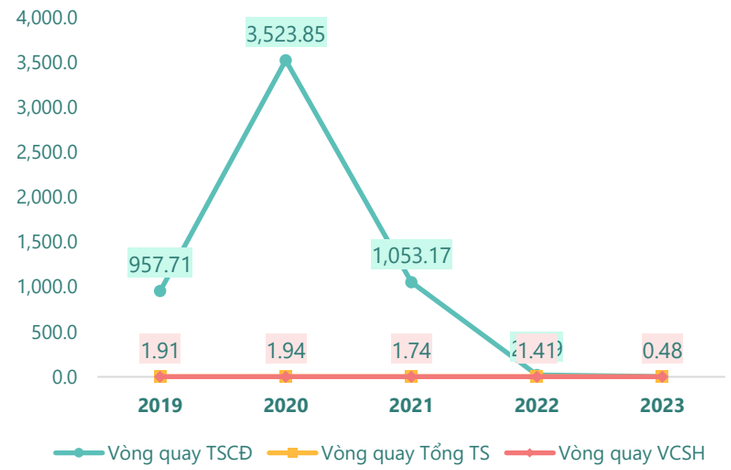
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



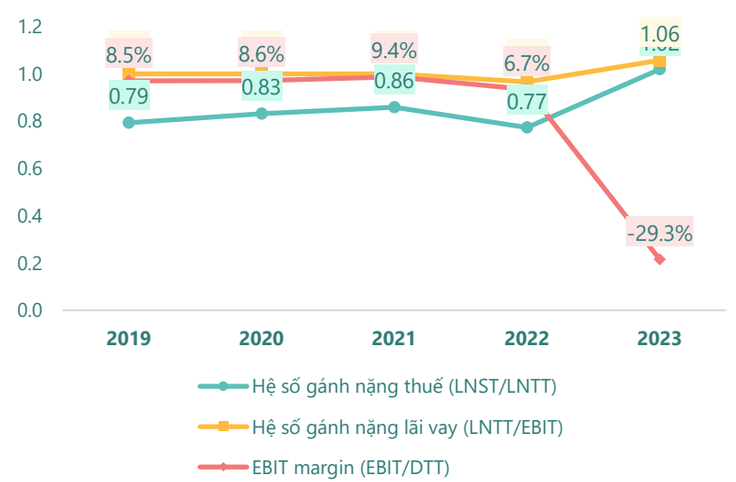
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



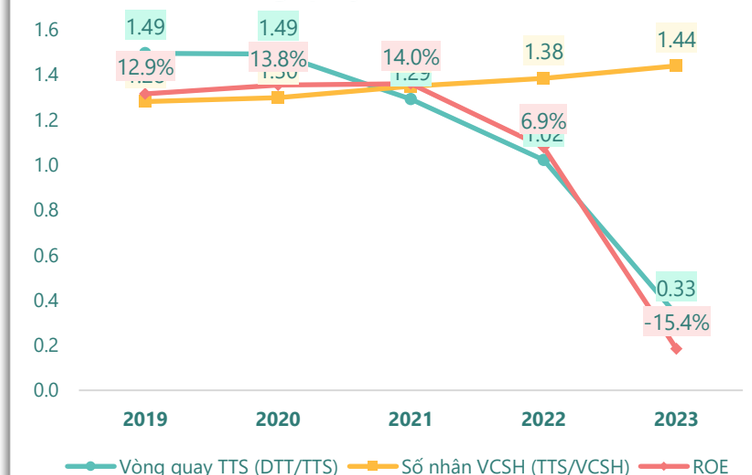
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



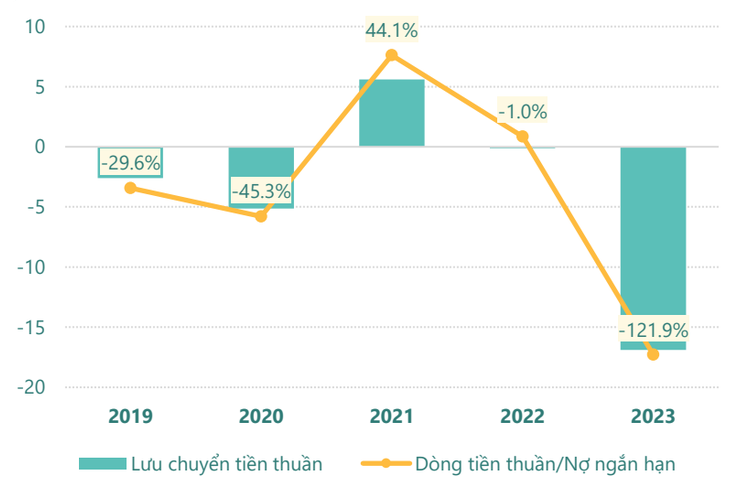
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.89**	**4.96**	**-61.8%**	**18.3**	**54.2**	**-66.2%**
Giá vốn hàng bán	1.46	3.86	-62.1%	14.1	40.2	-64.9%
Lợi nhuận gộp	0.43	1.11	-61.0%	4.21	14.0	-69.9%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.15	-65.6%	0.37	0.40	-6.3%
Chi phí TC	0.07	0.08	-12.9%	0.32	0.12	156%
Chi phí lãi vay	0.07	0.08	-12.9%	0.31	0.12	147%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.81	0.62	29.9%	4.16	5.81	-28.4%
Chi phí QLDN	**1.26**	**1.15**	**9.9%**	**5.62**	**4.97**	**13.2%**
LN thuần từ HĐKD	-1.65	-0.60	-176%	-5.52	3.50	-258%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.00**		**-0.15**	**0.01**	**-1542%**
LN trước thuế	-1.66	-0.60	-177%	-5.67	3.51	-261%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.67**	**-0.63**	**-165%**	**-5.78**	**2.71**	**-313%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.67**	**-0.65**	**-157%**	**-5.86**	**2.66**	**-320%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.23	-8.25	8.18	-15.7	19.9	-0.37
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.77	16.5	-16.5	16.5	-37.0	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.38	-0.12	-0.12	-0.12	-0.12	-0.12
Tiền đầu kỳ	11.0	17.8	25.9	17.5	18.2	0.90
Lưu chuyển tiền thuần	**6.84**	**8.12**	**-8.45**	**0.70**	**-17.3**	**-0.49**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.8	25.9	17.5	18.2	0.90	0.42

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**49.3**	**51.3**	**-3.9%**
Tài sản ngắn hạn	45.2	46.9	-3.7%
Tiền và tương đương tiền	0.42	0.90	-54.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	20.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	22.7	23.2	-2.3%
Hàng tồn kho	1.98	2.70	-26.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.05	2.5%
Tài sản dài hạn	**4.17**	**4.44**	**-6.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.08	4.32	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.09**	**0.11**	**-19.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.3	16.7	-2.0%
Nợ ngắn hạn	**13.5**	**13.9**	**-2.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.37	0.50	-25.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.54	9.53	0.1%
Nợ dài hạn	2.83	2.83	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.83	2.83	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**33.0**	**34.6**	**-4.8%**
Vốn chủ sở hữu	**33.0**	**34.6**	**-4.8%**
Vốn điều lệ	18.6	18.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)